

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

Bản án số: 39/2022/HS-ST
Ngày 27-7-2022

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lộc Văn Chung

Bà Vi Thị Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hứa Thế Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn S, sinh ngày 18 tháng 4 năm 1996 tại huyện L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn S, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông: Nguyễn Văn S1 và bà: Nguyễn Thị H; vợ: Hà Thị H, con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại; có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện L— người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T — Phó Trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện L, tỉnh Lạng Sơn. (Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng vụ án hình sự số 2146/QĐ-UBND ngày 01/6/2022); vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ủy ban nhân dân xã H, huyện L— người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn N, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H; vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1969; vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1971; có mặt.
4. Bà Ma Thị T, sinh năm 1931; vắng mặt.
5. Chị Nguyễn Thị H sinh năm 1993; vắng mặt.
6. Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1994; có mặt.
7. Chị Nông Thị L, sinh năm 1995; có mặt.
8. Chị Hà Thị H, sinh năm 1999; vắng mặt.

Ông Nguyễn Văn S1, bà Nguyễn Thị H, bà Ma Thị T, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn A, chị Nông Thị L, chị Hà Thị H cùng địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

9. Chị Nguyễn Thị Thảo, sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/12/2021, qua công tác nắm tình hình địa bàn, Phòng Cảnh sát Môi trường – Công an tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Hạt Kiểm lâm huyện L và Ủy ban nhân dân xã H, huyện L lập biên bản sự việc phát hiện 01 vụ phá rừng tự nhiên trái pháp luật xảy ra trên địa bàn xã H, huyện L. Theo đó, khu rừng bị phá thuộc thửa đất số 100 tờ bản đồ số 03 bản đồ đất lâm nghiệp xã H, thuộc lô số 17, khoảnh 6, tiểu khu 372 Bản đồ hiện trạng rừng xã H năm 2020 thuộc loại rừng sản xuất là rừng tự nhiên, đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD617190 năm 2013 cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn S1 và bà Nguyễn Thị H (vợ ông Nguyễn Văn S1). Kiểm tra sơ bộ diện tích rừng đã bị chặt phá khoảng 0,5ha, số cây bị chặt hạ gồm Dẻ, Trám, Bò đề và nhiều loại gỗ thông thường khác, có đường kính trung bình từ 10cm – 30cm, chiều dài từ 04m-07m. Làm việc với tổ công tác, Nguyễn Văn S là con ông Nguyễn Văn S1 khai nhận là người trực tiếp chặt phá khu rừng trên, mục đích là để chuyển đổi sang trồng cây Hồi để có hiệu quả kinh tế cao hơn. Thời gian phá trong 03 ngày từ ngày 17/12/2021 đến ngày 19/12/2021, việc chặt phá khu rừng tự nhiên trên Nguyễn Văn S chưa xin phép cơ quan chức năng. Nguyễn Văn S nhận thức được hành vi phá rừng tự nhiên là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích kinh tế nên vẫn cố ý thực hiện hành vi vi phạm.

Tiến hành khám nghiệm hiện trường ngày 13/01/2022 cho kết quả:

Hiện trường vụ hủy hoại rừng được xác định tại lô 17, khoảnh 6, tiểu khu 372 Bản đồ hiện trạng rừng xã H năm 2020 và thuộc thửa đất số 100, tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích có rừng bị chặt phá đo bằng máy định vị GPS map 64, có diện tích là 9.740m² (chín nghìn bảy trăm bốn mươi mét vuông).

Tiến hành kiểm đếm, đo đếm xác định có 206 cây gỗ các loại bị chặt phá, khối lượng gỗ là 45,11m³ (bốn mươi năm phẩy mười một mét khối), gồm:

- 23 cây gỗ Trám, có khối lượng 4,73m³.
- 18 cây gỗ Chẹo, có khối lượng 5,88m³.
- 31 cây gỗ Kháo, có khối lượng 9,52m³.
- 39 cây gỗ Dẻ, có khối lượng 12,57m³.
- 03 cây Bò đề, có khối lượng 0,48 m³.
- 08 cây Dung giấy, có khối lượng 1,53m³.
- 01 cây gỗ Sau sau, có khối lượng 0,29m³.
- 83 cây gỗ thuộc loài thực vật thông thường, có khối lượng 10,12m³.

Tại bản Kết luận giám định tư pháp ngày 20/01/2022 của Giám định viên tư pháp thuộc Hạt kiểm lâm huyện T - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lạng Sơn kết luận:

- Tổng diện tích có rừng bị chặt phá tại lô 17 khoảnh 6 tiểu khu 372 Bản đồ hiện trạng rừng xã H năm 2020, thuộc thửa đất số 100 tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là **9.740m²**.

- Tổng số cây gỗ bị chặt phá trên diện tích 9.740m² có khối lượng 45,11m³, gỗ thuộc loài thực vật thông thường. Đối chiếu khối lượng gỗ bị chặt phá với Phụ lục I Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê rừng và theo dõi diễn biến rừng, đối chiếu vị trí có rừng bị chặt phá với Bản đồ hiện trạng rừng xã H năm 2020, Bản đồ điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng xã H theo Quyết định phê duyệt số 687/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn thì toàn bộ diện tích rừng bị chặt phá 9.740m² thuộc quy hoạch rừng sản xuất là rừng tự nhiên nghèo kiệt.

Quá trình điều tra đã làm rõ được như sau: Ngày 11/3/2013, Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD617190 đối với thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H có diện tích 260.308m² tại khu rừng Suối Muồng, thuộc Thôn S, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn cho hộ ông Nguyễn Văn S1 và bà Nguyễn Thị H (vợ ông Nguyễn Văn S1), mục đích sử dụng là đất rừng sản xuất. Trên đất là rừng tự nhiên. Đến năm 2019, Nguyễn Văn S1 và Nguyễn Thị H giao khu đất trên cho con trai là Nguyễn Văn S quản lý, bảo vệ (việc bàn giao không lập thành văn bản). Do thấy việc khoanh nuôi, bảo vệ rừng tự nhiên không có hiệu quả nên từ ngày 12/12/2021 đến ngày 16/12/2021, Nguyễn Văn S một mình lấy dao quắm lên khu rừng Suối Muồng thuộc Thôn S, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để phát cỏ và các cây nhỏ mọc dưới tán rừng. Sau khi phát xong, từ ngày 17/12/2021 đến ngày 19/12/2021, Nguyễn Văn S sử dụng máy cưa xăng tiến hành cưa hạ

206 cây gỗ, gồm các loại cây như: Trám, Chẹo, Kháo, Dẻ, Bò đề, Dung giấy và các loại cây gỗ khác thuộc loài thực vật thông thường trên khu đất rừng với mục đích khi nào cây cỏ khô thì dùng lửa đốt để chuyển sang trồng cây Hổi có hiệu quả kinh tế cao hơn. Việc chặt phá khu rừng tự nhiên trên Nguyễn Văn S chưa xin phép cơ quan chức năng. Sau khi phát và cưa hạ các cây gỗ xong, đến ngày 28/12/2021, thì bị Phòng Cảnh sát môi trường – Công an tỉnh Lạng Sơn phát hiện và lập biên bản sự việc như đã nêu ở trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 06/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L kết luận giá trị 206 cây gỗ bị thiệt hại là 19.430.500 đồng (mười chín triệu bốn trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng).

Tại Bản cáo trạng số 38/CT-VKSLB, ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Văn S, về tội: "Hủy hoại rừng" theo điểm b khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như Cáo trạng đã truy tố, bị cáo đã nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện L số tiền là 19.440.000 đồng (mười chín triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) để bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự, bị cáo không yêu cầu lấy lại số tiền còn lại là 9.500 đồng (chín nghìn năm trăm đồng). Đối với số cây bị cáo chặt phá hiện nay đã bị mục, hư hỏng không còn giá trị sử dụng nên bị cáo không có ý kiến gì.

Nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện L, người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Hữu T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước số tiền là 19.430.500 đồng (mười chín triệu bốn trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng) và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã H, huyện L có ý kiến: Số cây mà bị cáo chặt phá đã lâu nên đã bị mục, hư hỏng đã hết giá trị nên Ủy ban nhân dân xã H không có yêu cầu và đề nghị gì liên quan đến vụ án.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong hộ gia đình ông Nguyễn Văn S1 đều khẳng định không biết hành vi chặt phá rừng tự nhiên của bị cáo, không yêu cầu bị cáo bồi thường vấn đề gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn S về tội Hủy hoại rừng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện Lộc Bình tổng số tiền là 19.430.500 đồng (mười chín triệu bốn trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng). Xác nhận bị cáo đã tự nguyện nộp vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện L số tiền 19.440.000 đồng (mười chín triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 con dao đã thu giữ của bị cáo, tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 cửa sắt đã thu giữ của bị cáo. Đối với số cây bị chặt phá hiện đã mục, hư hỏng, không đề nghị xem xét xử lý.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn dân sự, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ và có đơn xin vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của những người nêu trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã được thực hiện hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định tư pháp, kết luận định giá tài sản và những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó có đủ cơ sở để khẳng định: Từ ngày 12/12/2021 đến ngày 19/12/2021, khi chưa xin phép cơ quan chức năng, Nguyễn Văn S đã có hành vi dùng dao phát, chặt và sử dụng cưa xăng cưa hạ cây gỗ thuộc loại thực vật thông thường tại khu rừng Suối Muông thuộc Thôn S, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình của Nguyễn Văn S với mục đích để chuyển sang trồng cây hồi có hiệu quả kinh tế cao hơn. Khu rừng bị chặt phá có vị trí tại lô 17 khoảnh 6 tiểu khu 372 Bản đồ hiện trạng rừng xã H năm 2020, thuộc thửa đất số 100 tờ bản đồ số 03 Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã H, có diện tích **9.740m²** là rừng tự nhiên quy hoạch rừng sản

xuất. Tổng số cây gỗ bị Nguyễn Văn S chặt phá là 206 cây, thuộc loài thực vật thông thường, trị giá 19.430.500 đồng (mười chín triệu bốn trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng). Khối lượng gỗ được xác định là 45,11m³. Khu rừng Nguyễn Văn S chặt phá là rừng tự nhiên, do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đối với rừng thuộc sở hữu toàn dân theo điểm a khoản 1 Điều 7 Luật Lâm nghiệp. Hành vi đã thực hiện của Nguyễn Văn S đã vi phạm khoản 2 Điều 14 Luật Lâm nghiệp về *nguyên tắc giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, thu hồi rừng* là: “*Không chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác, trừ dự án quan trọng quốc gia; dự án phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; dự án cấp thiết khác được Chính phủ phê duyệt*” và vi phạm điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp về *bảo vệ hệ sinh thái rừng sản xuất* là: “*Khi tiến hành các hoạt động làm ảnh hưởng trực tiếp đến hệ sinh thái rừng, phải thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và chỉ được thực hiện các hoạt động đó sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép*”. Với hành vi trên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội Hủy hoại rừng, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về rừng, xâm phạm nghiêm trọng đến môi trường sinh thái được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo luật định, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện do vậy cần được xử lý theo quy định của pháp luật nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa từng bị kết án, chưa từng bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục toàn bộ thiệt hại đã gây ra, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện Lộc Bình có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được trợ giúp pháp lý nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội và hậu quả của tội phạm Hội đồng xét xử xét thấy: Ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật của nhà nước; bị cáo có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng; có nhiều

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong thời gian tại ngoại vừa qua bị cáo không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật đồng thời đã chủ động thực hiện việc bồi thường thiệt hại; bị cáo có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, chưa cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Xử phạt bị cáo án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện L nơi bị cáo đang cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo biên bản xác minh bị cáo không có công việc cũng như thu nhập ổn định hay tài sản riêng do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện L có đơn yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước là 19.430.500 đồng (mười chín triệu bốn trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng) là giá trị thiệt hại của số cây rừng mà bị cáo đã chặt phá. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân huyện L tổng số tiền 19.440.000 đồng (mười chín triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) bằng việc nộp vào Chi cục Thi hành dân sự huyện L. Số tiền bồi thường đã vượt quá số tiền bị thiệt hại và nguyên đơn yêu cầu, nhưng bị cáo không đề nghị trả lại số tiền thừa mà tự nguyện bồi thường cho Nhà nước. Do vậy Hội đồng xét xử buộc và ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự tổng số tiền 19.440.000 đồng (mười chín triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng). Tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

[9] Về vật chứng của vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao quắm bằng kim loại dài 39cm, bản dao rộng nhất 4,6cm, phần cán dao rộng nổi liền thân dao dài 11cm, phần lưỡi dao dài 28cm, mũi dao cong nhọn, dao cũ, đã qua sử dụng là công cụ Nguyễn Văn S sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội và tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 (một) máy cưa xích nhãn hiệu NEW WEST, màu đỏ, tổng chiều dài máy cưa 91cm, trên máy cưa có lắp lam và xích cưa dài 60cm, bản rộng nhất của lam có lắp xích là 10cm, bên dưới máy cưa có mã số: ZM5410190503048, máy cưa cũ, đã qua sử dụng, là máy công cụ Nguyễn Văn S sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[10] Đối với 206 cây rừng bị chặt phá có khối lượng gỗ là 45,11m³ được giao cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Lộc Bình phối hợp với gia đình Nguyễn Văn S quản lý, bảo quản; qua thời gian hiện nay đã bị mục, hư hỏng không còn giá trị; không ai có yêu cầu và đề nghị gì do vậy Hội đồng xét xử không xem xét, xử lý.

[11] Đối với Hộ gia đình ông Nguyễn Văn S1 và bà Nguyễn Thị H được Nhà nước giao quyền sử dụng đất có trách nhiệm trong việc khoanh nuôi bảo vệ rừng. Tuy nhiên, Nguyễn Văn S1 và Nguyễn Thị H đã giao rừng cho Nguyễn Văn S và khi Nguyễn Văn S thực hiện hành vi chặt phá rừng Nguyễn Văn Sài, Nguyễn Thị Huân và những người khác trong hộ gia đình không biết việc Nguyễn Văn S chặt phá rừng và không được cho phép Nguyễn Văn S chặt phá, cũng không có hành gì xúi giục, giúp sức cho Nguyễn Văn S do đó Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý, không có ai yêu cầu và đề nghị gì đối với Nguyễn Văn S do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước; do bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho Nhà nước trước khi mở phiên tòa với số tiền vượt quá số tiền nguyên đơn dân sự yêu cầu, do đó không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a, g khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[14] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn về hình phạt chính đối với bị cáo còn có phần nghiêm khắc, do đó Hội đồng xét xử sẽ quyết định mức hình phạt phù hợp hơn, các nội dung khác phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65; điểm a khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 30, điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136; Điều 292; Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a, g khoản 1 Điều 23; của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội Hủy hoại rừng.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm, kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn S cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn dân sự là Ủy ban nhân dân huyện L tổng số tiền là 19.440.000 đồng (mười chín triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng). Tạm giữ số tiền bị cáo đã nộp để đảm bảo thi hành án, cụ thể: Số tiền 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0005406 và số tiền 19.340.000 đồng (mười chín triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2021/0005405, cùng ngày 26/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

4. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao găm bằng kim loại dài 39cm, bản dao rộng nhất 4,6cm, phần cán dao rộng nổi liền thân dao dài 11cm, phần lưỡi dao dài 28cm, mũi dao cong nhọn, dao cũ, đã qua sử dụng.

Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 (một) máy cửa xích nhãn hiệu NEW WEST, màu đỏ, tổng chiều dài máy cửa 91cm, trên máy cửa có lắp lam và xích cửa dài 60cm, bản rộng nhất của lam có lắp xích là 10cm, bên dưới máy cửa có mã số: ZM5410190503048, máy cửa cũ, đã qua sử dụng.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 01 tháng 7 năm 2022).

5. Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

6. Quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND h Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an h Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Cơ quan THAHSCA h Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS h L, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Mai

